

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2024

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận và ông Trần Cao Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn L, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm E Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trần Thị T đăng ký kết hôn với anh Nguyễn L vào ngày 26/03/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị Trần Thị T và anh Nguyễn L chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại xóm E Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì nảy

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay và không còn liên lạc gì với nhau. Sau 07 năm ly thân xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn L và đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

2. *Về con chung và cấp dưỡng*: Trong thời kỳ hôn nhân chị Trần Thị T và anh Nguyễn Lý c với nhau một con chung tên là Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 16/01/2009. Nay ly hôn chị Trần Thị T có nguyện vọng giao con chung là cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 16/01/2009 cho anh Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho anh Nguyễn Lý .

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 18/10/2023 anh Nguyễn L trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn L và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 26/03/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 03 năm đầu, sau đó chị Trần Thị T đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng dần dần rạn nứt từ năm 2017 đến nay. Nay anh Nguyễn L không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T vì xét thấy vợ chồng còn có thể hàn gắn được.

2. *Về con chung và cấp dưỡng*: Trong thời kỳ hôn nhân anh Nguyễn L và chị Trần Thị T có với nhau một con chung tên là Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 16/01/2009. Anh Nguyễn L khai vấn đề chăm sóc con chung tùy theo ý kiến chị T và về cấp dưỡng nuôi con chưa yêu cầu, sẽ giải quyết sau.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Nguyễn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 21/11/2023 cháu Nguyễn Thị L1 trình bày:

Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Lý vì cháu ở với bố từ lúc nhỏ nên cháu giành tình cảm yêu thương cho bố và nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện mà không bị ai đe dọa, cưỡng ép.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Lý d đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn L đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

* *Về tố tụng*: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt lần hai không có lý do, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

* *Việc giải quyết vụ án*:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn L

-Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 16/01/2009 cho anh Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn L chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

-Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.

-Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Nguyễn L đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/12/2023 bị đơn anh Nguyễn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định thời gian xét xử vào ngày 03/01/2024. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Lý d đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Nguyễn Lý . Đối với chị Trần Thị T, tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Trần Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T kết hôn với anh Nguyễn L trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/03/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với Trích lục kết hôn số 319/2023/TLKH-BS ngày 09/10/2023 của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Lý dl Ủy ban nhân dân xã L cấp cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn L giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn L trình bày anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T vì xét thấy vợ chồng còn có thể hàn gắn được. Nhưng vợ chồng anh đã sống ly thân được 07 năm nay và anh vẫn không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện cuộc sống của vợ chồng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh đến làm việc và tiến hành hòa giải, anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án lần thứ nhất, thứ hai nhưng anh vẫn không đến Tòa án để làm việc. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Lý .

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Nguyễn L và chị Trần Thị T có với nhau một con chung tên là Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 16/01/2009. Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị T có nguyện vọng giao con cho anh Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho anh Nguyễn Lý . Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 18/10/2023 anh Nguyễn Lý k vấn đề chăm sóc con chung tùy theo ý kiến chị T và về cấp dưỡng nuôi con chưa yêu cầu, sẽ giải quyết sau. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 21/11/2023 cháu Nguyễn Thị L1 trình bày: Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Lý v1 cháu ở với bố từ lúc nhỏ nên cháu giành tình cảm yêu thương cho bố và nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện mà không bị ai đe dọa, cưỡng ép.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của các đương sự và nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi là hoàn toàn chính đáng. Từ khi anh chị ly thân cho đến nay, chị Trần Thị T không trực tiếp nuôi con và thường xuyên đi làm ăn xa, con ở nhà chủ yếu do một mình anh Nguyễn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay chị T vẫn đang tiếp tục đi làm ăn xa. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, con sinh sống và học tập với anh Nguyễn Lý t xóm 5 Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh con đều được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, học hành đảm bảo. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị L1, cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Lý v1 cháu ở với anh L từ nhỏ. Để tiếp tục đảm bảo cuộc sống và tâm lý ổn định cho cháu Nguyễn Thị L1, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho anh Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được

làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: Mặc dù chị Trần Thị T đề nghị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho anh Nguyễn L đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, anh Nguyễn Lý k1 yêu cầu và đề nghị giải quyết sau, vì vậy Tòa án không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Lý k1 yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Nguyễn L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Lý .

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 16/01/2009 cho anh Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị T không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vấn đề này sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0013224 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Chị Trần Thị T, anh Nguyễn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- UBND xã Liên Minh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Đình Thông